

# MỘ CỤ THẠCH HÀNG GÒN - một vài phát hiện mới

PHẠM QUANG SƠN - LÊ TRÍ DŨNG

1- Mộ Cụ thạch Hàng Gòn là một di tích khảo cổ học quan trọng của tỉnh Đồng Nai, thường được dân địa phương gọi là "Mả ông Đá". Mộ có hình khối hộp chữ nhật, ghép bằng 6 tấm đá hoa cương lớn, được gọi là tấm đan. Một tấm là nắp đậy trên (có hai đầu thu nhỏ), một tấm đáy và 4 tấm dựng đứng bốn bên nâng tấm nắp. Xung quanh mộ còn có nhiều cột đá lớn.

Mộ được một kỹ sư người Pháp là J.Bouchot phát hiện vào năm 1927, khi làm đường liên tỉnh số 2, từ Tân Phong đi Xuyên Mộc, nằm trong khu vực đồn điền Cao su Xuân Lộc (Société de Plantation d'Héveas de Xuân lộc), thuộc xã Xuân Lộc, tổng Bình Lâm Thượng, tỉnh Biên Hoà. JBouchot đã tiến hành khai quật di tích này vào tháng 4 và tháng 5 năm 1927 (Bouchot J. 1927, 1929).

Phát hiện của J.Bouchot đã thu hút sự chú ý của nhiều học giả Pháp như: H.Parmentier, E.Gaspardone, L.Malleret, Ed.Saurin, H.Fontaine... Đặc biệt, H.Parmentier đã công bố các bản vẽ hiện trường khai quật và phác đồ tái dựng mộ trên cơ sở nghiên cứu tại hiện

trường. Theo mô tả của ông, mộ dài 4,50m, rộng 2m, cao 1,50m, nằm theo hướng Đông - Tây, được chôn trong một hố sâu, nằm cách mặt đất 1,50m. Vách hố ở hai phía Bắc - Nam được tạo thành 3 nấc thêm giạt cấp. Trên mỗi nấc lại có một hàng gồm 3 trụ làm bằng đá hoa cương (granite), thêm trên cùng chỉ có 1 trụ. Có thể nói, mộ nằm giữa 4 hàng trụ, mỗi hàng có 3 trụ theo hướng Đông - Tây và 2 trụ ở hai rìa Bắc, Nam trên trục đi qua tâm mộ. Trên đầu các trụ đều có khoét lõm hình yên ngựa. Theo sơ đồ của H.Parmentier, lý ra phải có tổng cộng 14 trụ đá. Tuy nhiên, chỉ thấy ông khảo tả 11 trụ. Phải chăng, những trụ thiếu đó chưa được tìm thấy?

Di tích Mộ cụ thạch Hàng Gòn đã được xếp hạng với số thứ tự 38 trong danh mục các di tích ở Nam Kỳ vào năm 1930 (Saurin Ed., 1968, p.8).

Sau năm 1975, Bảo tàng tỉnh Đồng Nai và các nhà khảo cổ học nhiều lần trở lại di tích Hàng Gòn, tiếp đó một hồ sơ di tích đã được thực hiện vào năm 1982.

Năm 1991 di tích Mộ cụ thạch Hàng Gòn

được chỉnh trang lại và xây hàng rào bảo vệ.

Năm 1996, Bảo tàng tỉnh Đồng Nai và Trung tâm khảo cổ học đã tiến hành khai quật khu vực cách mộ khoảng 60m về phía Đông - Nam và phát hiện 2 cột đá cùng một số tấm đá lớn. Địa điểm này được gọi là di tích Cự thạch 2 (Phạm Đức Mạnh và các cộng sự, 1996; Phạm Đức Mạnh, 1996).

Việc phát hiện di tích cự thạch 2 cùng những thông tin về phát hiện những tấm đá lớn (trong khuôn viên trường học kế bên) cho thấy Mộ cự thạch có lẽ không phải chỉ là một kiến trúc đơn

lẻ. Vì vậy, để có thể quy hoạch hợp lý bảo vệ di tích, cần thiết phải có một đợt khảo sát trên diện rộng hơn.

2- Thực hiện tinh thần công văn số 418 UBND - VX, ngày 19 - 01 - 2006 của UBND tỉnh Đồng Nai và công văn số 114/SVHTT, ngày 27- 02 - 2006 của Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Đồng Nai. Tháng 3 năm 2006, Ban Quản lý di tích danh thắng tỉnh Đồng Nai đã phối hợp với Trung tâm Khảo cổ học, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ tiến hành một đợt điều tra, đào thám sát tiếp về Mộ Cự thạch. Mục tiêu của đợt

khảo sát là kiểm chứng khu vực xung quanh, xác định phạm vi khoanh vùng bảo vệ di tích, cung cấp cơ sở khoa học để lập dự án bảo quản, tu bổ và phát huy giá trị di tích theo đúng Luật Di sản văn hoá.

Hiện nay, di tích Mộ Cự thạch thuộc xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai và không có gì thay đổi sau đợt chỉnh trang năm 1991. Mộ được đặt giữa một hố hình vuông, vách mộ giạt cấp hai bậc. Trên bậc dưới đặt những trụ đá, tổng cộng có 21 trụ và các mảnh vỡ. Ngoài ra còn có 17 mảnh trụ và tấm đan vỡ được xếp trên bờ phía Đông của hố.

Bề mặt khu đất bao quanh ở đây tương đối bằng phẳng, hơi dốc thoải về phía Đông. Chúng tôi đã thực hiện đào một số hố thám sát trên khu vực rộng khoảng 4ha xung quanh di tích. Độ sâu của các hố từ 1,30m đến 2,10m.

Qua các hố đào, có thể



Mộ Cự thạch Hàng Gòn - Ảnh: Khánh Duyên

thấy địa tầng ở khu vực xung quanh Mộ cự thạch có cấu tạo như sau:

- Trên cùng là lớp đất canh tác (hiện tại), dày khoảng 10 - 15cm.
- Giữa là lớp đất đỏ bazan (cứng), dày từ 10cm - 30cm (đáy sâu nhất khoảng 45cm).
- Dưới cùng cũng là đất đỏ bazan (bở rời, mềm và hơi sẫm màu hơn).

Những dấu vết than tro và gốm vỡ trong nhiều hố thám sát đã cho thấy, khu vực xung quanh mộ cự thạch cũng đã từng là địa bàn sinh hoạt của người xưa. Tầng văn hoá ở khu vực được thám sát có độ dày mỏng không đều, có những hố thám sát không phát hiện được tầng văn hoá, chỉ thấy rải rác một số mảnh than đen. Trong những hố khác, tầng văn hoá thường xuất hiện ở ngay dưới lớp đất cứng. Nhìn chung, tầng văn hoá chỉ dày khoảng 30cm, nằm ở độ sâu 30 - 65cm, cá biệt có chỗ sâu đến 95cm.

Ngoài gốm và than, trong một số hố thám sát còn phát hiện được những hố đất đen giống lỗ chôn cột và có những vệt đất cháy.

3- Hiện vật thu được trong các hố thám sát bao gồm các mảnh đồ đựng bằng gốm, đá mài và đặc biệt là hai chiếc tù và bằng đồng.

Các mảnh gốm đã được phát hiện ở khu vực phía Nam di tích mộ cự thạch, từ sát tường rào và lan rộng khoảng 20cm, ở khu vực phía Đông cách cổng di tích mộ cự thạch khoảng 30 - 40cm và, ở khu vực phía Đông Nam cách mộ cự thạch khoảng 120 - 150m. Có tất cả 740 mảnh gốm đã được thu thập. Ở các khu vực còn lại dường như chưa tìm thấy gốm và các dấu vết văn hoá.

Về chất liệu, gốm ở đây chỉ có một loại, làm từ sét pha cát (hạt trung bình và thô) trộn lẫn vỏ nhuyễn thể nghiền nhỏ. Xương gốm có màu nâu nhạt, hồng, xám đen hay xám trắng. Áo gốm mỏng, mịn, màu nâu hồng, có độ dày trong khoảng 0,4 - 0,6cm. Riêng phần đế có thể dày đến 1,0cm. Chưa thấy trong phạm vi Hàng Gòn (Hàng Gòn 1, Hàng Gòn 9...) có gốm pha bã thực vật như ở các di tích khác.

Trong các hố thám sát không thu được đồ gốm nào còn nguyên dạng. Qua quá trình chỉnh lý đã ghi nhận được 5 loại hình miệng:

- Loại 1: Miệng loe, mép mỏng, bề khum vào trong.
- Loại 2: Miệng khum, mép mỏng, hơi vát nhọn.
- Loại 3: Miệng loe, mép dày, bo tròn.
- Loại 4: Miệng loe, thành miệng cong uốn ra ngoài. Mép dày, bo tròn, bề gập ra ngoài tạo thành gờ nổi.
- Loại 5: Miệng loe, mép bo tròn, bề gập ra ngoài tạo gờ nổi nhưng thành miệng phía trong thẳng, không uốn cong như loại 4.

Gốm ở Hàng Gòn chỉ có 17 mảnh trong số 740 mảnh được trang trí hoa văn. Trong đó, kỹ thuật miết những đường chìm đơn lẻ hoặc song song là phổ biến nhất (12 mảnh trong số 17 mảnh). Số còn lại gồm văn vạch (chải?) có 2 mảnh, văn thừng mịn 2 mảnh, văn dập 1 mảnh.

Hiện vật đá duy nhất được phát hiện ở độ sâu 0,65m, trong lớp đất đỏ bazan mềm. Đây là một sỏi đá màu xanh đen, có dạng gần hình thang cao, các cạnh đều cong lồi, ở giữa hơi phình to. Toàn thân được mài kỹ nhưng ở một mặt vẫn còn một số vết ghe. Thân dày, mỏng dần về phía rìa. 4 rìa xung quanh không sắc cạnh, nhưng chỉ dày khoảng 0,4cm. Mặt cắt do đó có hình tang trống. Ở phía đầu nhỏ, ngay trục giữa có một lỗ khoan nhỏ xuyên qua, đường kính 0,4cm. Hiện vật có kích thước dài 15,6cm, đầu lớn rộng 4,8cm, đầu nhỏ 2,5cm, ở giữa phình rộng 5,5cm, dày 1,4cm.

Một hiện vật khác tương tự như trên được dân địa phương trao lại, dài 16,5cm, rộng giữa thân 5,5cm, dày 1,3cm, hai đầu rộng 3,6cm và 2,5cm, dày 0,8cm và 1,0cm. Trên hai mặt có vết mài xéo, lõm hình lòng máng.

Những hiện vật được mài cẩn thận và có lỗ tròn ở 1 đầu như trên khá phổ biến trong các di tích thời đại đá mới - đồng và sắt sớm ở tỉnh Đồng Nai. Chúng đã được tìm thấy trong các di tích Đồi Mít, suối Chôn, Dầu Giây, Núi Gốm, Phú Hoà... Về công dụng, loại hiện vật này

trước đây thường được coi là đồ trang sức, bùa đeo hay nói chung là vật đeo. Trong đợt khai quật di tích Cái Lãng, Trịnh Sinh cũng tìm được một hiện vật tương tự và gọi chúng là những bàn mài có lỗ để đeo. Hiện vật thứ 2 trong sưu tầm lần này với những vết mòn xéo dường như đã ủng hộ cho quan điểm của Trịnh Sinh.

Trong đợt khảo sát đã thu được 2 hiện vật bằng đồng thau hết sức độc đáo. Đó là 2 chiếc "tù và" bằng đồng, loại hiện vật lần đầu tiên được tìm thấy trong các di tích thời đại kim khí ở Việt Nam, chúng được tìm thấy trong một hố thám sát, cách bờ rào phía Nam của di tích Mộ Cự thạch 0,80m trong lớp đất đỏ bazan mềm, ở độ sâu 0,65cm. Chúng nằm song song, úp vào nhau, trọng vị trí tích tụ khá nhiều than tro, bên cạnh một vết đất bị nung cháy hình vòng cung.

Cả hai "tù và" đều có dáng giống một chiếc sừng bò, rỗng bên trong, cong hình cung một đầu lớn, một đầu nhỏ. Trên thân của cả hai hiện vật đều không thấy hoa văn trang trí, cả 2 đều đã bị hoen rỉ, có màu xanh của oxit đồng.

Phần còn lại của chiếc thứ nhất dài 21,5cm, đường kính đầu nhỏ còn đo được là 1,5cm, đường kính đầu lớn còn đo được là 4,6cm, nhưng có lẽ miệng còn loe rộng hơn nhiều. Thành dày 0,3cm. Trên thân có 1 lỗ tròn nhỏ (đường kính khoảng 0,3cm).

Chiếc thứ hai có chiều dài thẳng từ chuôi tới miệng là 23,5cm, đầu nhỏ có núm hơi phình ra, có lỗ để dễ ngậm thổi. Đường kính chỗ phình là 1,3cm, đường kính chỗ thắt nhỏ phía trong là 1,1cm, đường kính miệng loe là 5,5cm. Hiện vật bị gãy làm 2 đoạn và có 2 vết vỡ nhỏ. Trên thân cũng có 2 lỗ tròn nhỏ (đường kính khoảng 0,2cm).

Hai chiếc tù và này dường như chưa phải là sản phẩm hoàn chỉnh và được bỏ lại ngay sau khi đúc tại chỗ.

4- Những phát hiện mới trong đợt khảo sát di tích mộ cự thạch Hàng Gòn lần này đã góp phần đáng kể trong việc đánh giá di tích và đặt ra nhiều vấn đề cần nghiên cứu thêm trong tương lai.

Thứ nhất, về vấn đề niên đại của di tích. Trước đây, nhiều nhà nghiên cứu đã đề cập tới, với nhiều nhận định khác nhau. JBouchot xếp di tích vào thời đại đồ đá mới, chủ nhân có quan hệ gần gũi với dân tộc Jarai ở Tây Nguyên (JBouchot J. 1929, P. 122). L.Malleret cho rằng, di tích thuộc thời đại đồng thau dựa vào phát hiện một vòng đồng ở đây (Malleret L. 1963, p. 127 - 128). EdSaurin lại cho di tích có tuổi tương đương với địa điểm Hàng Gòn I (còn gọi Núi Gốm hay Lô 72), niên đại C14 là 3950 ± 250 cách ngày nay (Saurin Ed. 1963, p.441). Lưu Ánh Tuyết xếp di tích vào thời đại đồng phát triển, có khả năng chuyển sang sơ kỳ đồ sắt (Lưu Ánh Tuyết, 1982b, tr.8).

Sau đợt khai quật năm 1996, Phạm Đức Mạnh đã phân tích một số mẫu than và qua kết quả C14 cho mẫu có niên đại sớm nhất là 150 năm trước Công nguyên (thế kỷ II trước Công nguyên), mẫu muộn nhất là 240 năm sau Công nguyên (thế kỷ III sau Công nguyên). Đối chiếu với một số niên đại C14 của các di tích trong khu vực Hàng Gòn và lân cận đã có trước đây, chúng tôi cho rằng, niên đại của chúng thuộc những thế kỷ cuối trước Công nguyên và những thế kỷ đầu sau Công nguyên của di tích là hợp lý, muộn hơn giai đoạn của các di tích mộ chum và sớm hơn thời kỳ khởi đầu của văn hoá Óc Eo và vương quốc Phù Nam (thế kỷ II sau Công nguyên).

Thứ hai, đợt khảo sát đã xác định khu vực xung quanh mộ cự thạch cũng là một di tích khảo cổ học, dạng di chỉ cư trú. Nơi đây đã từng là địa bàn sinh sống của một cộng đồng người cổ, chủ nhân của mộ cự thạch. Những vết đất cháy có thể là dấu vết của những bếp lửa, chỗ nung gốm hay lò luyện kim đúc đồng. Bên cạnh kiến trúc mộ cự thạch có lẽ cũng đã từng tồn tại phong tục mai táng trong chum, vò bằng gốm. Điều này nói lên sự phong phú, đa dạng trong sinh hoạt hàng ngày của cư dân cổ Hàng Gòn.

Thứ ba, hai hiện vật tù và bằng đồng là phát hiện quan trọng nhất trong đợt này. Trước đây, chúng ta đã biết đến bộ sưu tập vũ khí qua

đồng ở xã Long Giao, cách Hàng Gòn khoảng 5km, nhưng chưa thể xác định được niên đại và chủ nhân của những bộ vũ khí này. "Tù và" bằng đồng rõ ràng có quan hệ với "qua đồng" Long Giao trong ý nghĩa là một phần trong tổ hợp vũ khí của những chiến binh. Như vậy, "tù và" có thể được coi là "gạch nối" giữa vũ khí Long Giao và mộ cự thạch. Chủ nhân của qua đồng và mộ cự thạch cùng là một cộng đồng người và là những người rất thông thạo binh nghiệp. Đáng chú ý là cộng đồng người này đã tồn tại trong một thời kỳ mà ảnh hưởng của các thế lực và văn hoá bên ngoài ngày càng tăng cao. Niên đại C14 của hai mẫu than trong hố TS35 có hai cạnh tù và chính là niên đại của cộng đồng người này.

5- Để góp phần lập dự án bảo tồn, tu bổ và phát huy giá trị mộ cự thạch Hàng Gòn, dựa trên kết quả đợt khảo sát vừa qua, chúng tôi xin đề xuất một số ý kiến sau:

- Khu vực xung quanh kiến trúc mộ cự thạch Hàng Gòn cần được xem là một di tích khảo cổ học, trong tương lai di tích cần được khảo sát nghiên cứu theo 2 hướng:

a) Xác định di tích cư trú, các dấu vết sinh hoạt và mộ táng.

b) Xác định sự tồn tại của những kiến trúc cự thạch khác.

Di tích cần được xác định khu vực bảo vệ theo Khoản 1, Điều 32 của Luật Di sản văn hoá được ban hành theo lệnh của Chủ tịch nước ngày 12 - 07 - 2001 và các Mục a, b Khoản 1, Điều 16 của Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11 - 11 - 2002. Cần có phương án bảo tồn, đáp ứng các yêu cầu khoa học và nhằm phát huy cao hơn giá trị của di tích. Ngoài ra, cũng cần nghĩ đến một công trình kiến trúc bảo vệ bao bọc, như là nhà bảo tàng trưng bày ngoài trời, tạo điều kiện thuận lợi cho khách tham quan. Trước hết, cần tiến hành khai quật kiểm chứng khu vực xung quanh trong phạm vi bán kính 50m (tính từ mộ), vì có thể trong lòng đất vẫn còn lưu giữ những cột đá ở nguyên vị trí như đã nêu ở trên, hoặc những vết tích văn hoá khác

mà sau đợt tu bổ sẽ khó có cơ hội khai quật tiếp./.

P.Q.S - L.T.D

### **Tài liệu tham khảo:**

- 1- Lê Xuân Diệm, Phạm Quang Sơn, Bùi Chí Hoàng, 1991, *Khảo cổ Đồng Nai*, Nxb. Đồng Nai, 222 trang.
- 2- Lưu Ánh Tuyết, 1982, "Mộ cự thạch Hàng Gòn (Đồng Nai)", *Những phát hiện mới về khảo cổ học*, H. Tr.150 - 15.
- 3- Lưu Ánh Tuyết, 1982b, *Di tích kiến trúc cổ - Mộ cự thạch Hàng Gòn (Xuân Lộc - Đồng Nai)*, Tài liệu đánh máy, Bảo tàng Đồng Nai, 9 trang.
- 4- Phạm Đức Mạnh, 1996, "Khai quật di tích Cự thạch Hàng Gòn 2". *Những phát hiện mới về khảo cổ học*, H.
- 5- Phạm Đức Mạnh, 1985, "Qua đồng Long Giao (Đồng Nai)", *Khảo cổ học*, số 1, Tr.37 - 68.
- 6- Phạm Đức Mạnh và các cộng sự, 1996, *Khai quật di tích Cự Thạch II (Hàng Gòn - Xuân Thanh - Long Khánh - Đồng Nai)*, Biên Hoà - Tp. Hồ Chí Minh, Tư liệu Bảo tàng Đồng Nai, 68 trang.
- 7- Trịnh Sinh và các cộng sự, 2001, *Báo cáo khai quật di chỉ khảo cổ học Cái Lãng, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai lần thứ nhất năm 2000*, Tư liệu Bảo tàng đồng Nai, 63 trang.
- 8- Bouchot J. 1927, *Les fouilles (de Xuân Lộc)*, BSEI n.s.t. HN02, Sài Gòn, P. 155 - 156.
- 9- Bouchot J, 1929, *Quelques notes en marge de la découverte de Xuân Lộc*, BSEI n.s.t.IV N02, Sài Gòn pp.114 -124.
- 10- Fontaine H., 1971, *Enquete sur la Néolithique du bassin inférieur du Đồng Nai*, Arch. Geol, Việt Nam, N. 14, P. 47 - 116, Sài Gòn.
- 11- Malleret L, 1963, *L'Archéologie du delta du Mekong*, t.4. Le cisbassac, EFEO Paris, 278p.
- 12- Parmentier H, 1929, *Vestiges Mégalithique à Xuân Lộc*, BEFEO XXVIII, P. 479 - 485.
- 13- Saurin Ed, 1963, *Station préhistorique à Hàng Gòn près Xuân Lộc*, BEFEO, I.II, P. 433 - 443.
- 14- Saurin Ed, 1968, *Nouvelles observations préhistorique à Est de Sài Gon*, BESEI, n.s.t XIII. N01, Saigon, P. 1 -17.